TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 75/2019/QĐST-DS	*Cai Lậy, ngày 30 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 10 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 146/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông **Nguyễn Văn T,** sinh năm 1953;

2. Bà **Nguyễn Thị L,** sinh năm 1958;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T: Bà **Trần Thị H,** sinh năm 1959;

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã PA, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:*

1. Bà **Nguyễn Thị L1,** sinh năm 1966;

Địa chỉ: Ấp A, xã MN, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà **Nguyễn Thị C,** sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp MH, xã AC, huyện C1, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị **Nguyễn Thị H,** sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp A, xã PA, huyện C, tỉnh

Tiền Giang.

2. Chị **Nguyễn Thị T,** sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp B, xã MN, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Chị **Nguyễn Thị T1,** sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp TB, xã TH, huyện TT, tỉnh Long An.

4. Chị **Nguyễn Thị Cẩm H1,** sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp C, xã BM, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Anh **Nguyễn Văn H2,** sinh năm 1986;

Địa chỉ: Ấp A, xã PA, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

6. Bà **Lê Thị Ngọc Th,** sinh năm 1975; Địa chỉ: Ấp MT, xã MH, huyện C1, tỉnh Tiền Giang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Chia cho các chị Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị Cẩm H1, anh Nguyễn Văn H2 (là những người thừa kế kỷ phần của ông Nguyễn Văn P) 01 kỷ phần có diện tích 497,7m^2 được ký hiệu từ T1 đến T5 (Phần A) trên Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 18-10-2019 của Công ty TNHH Đo đạc ĐH. Chị H, chị T, chị T1, chị H1 thống nhất tặng cho lại phần của mình được hưởng cho anh H2. Có tứ cận như sau:

+ Phía Đông giáp: Phần đất của bà Phạm Thị P.

+ Phía Tây giáp: Phần đất chia cho bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn T và phần đất chia cho bà Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị C.

+ Phía Nam giáp: Kênh công cộng.

+ Phía Bắc giáp: Phần đất của ông Trần Văn P.

- Chia cho bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị C phần đất có diện tích 300,2m^2 được ký hiệu từ T6 đến T8 (Phần B) trên Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 18-10-2019 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đo đạc ĐH và căn nhà thờ, nhà tạm trên đất. Bà L1, bà C được cùng đứng tên quyền sử dụng đất. Phần đất có tứ cận như sau:

+ Phía Đông giáp: Phần đất chia cho anh Nguyễn Văn H2.

+ Phía Tây giáp: Phần đất chia cho bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn T.

+ Phía Nam giáp: Kênh công cộng.

+ Phía Bắc giáp: Phần đất chia cho bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn T.

- Chia cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L phần đất có diện tích 653,3m^2 được ký hiệu T9, T11 và T12 (Phần C và Phần D) trên Phiếu xác nhận

kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 18-10-2019 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đo đạc ĐH. Ông T, bà L được cùng đứng tên quyền sử dụng đất. Có tứ cận như sau:

+ Phía Đông giáp: Phần đất chia cho anh Nguyễn Văn H2 và phần đất chia cho bà Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị C.

+ Phía Tây giáp: Phần đất của bà Lê Thị Ngọc Th và phần chuyển nhượng cho bà Th.

+ Phía Nam giáp: Kênh công cộng.

+ Phía Bắc giáp: Phần đất của ông Trần Văn P.

- Bà L1, bà C, ông T, bà L, anh H2 được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các phần đất mà mình được chia.

- Bà Lê Thị Ngọc Th được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất 751,5m^2 được ký hiệu T10 trên Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 18-10-2019 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đo đạc ĐH. Có tứ cận như sau:

+ Phía Đông giáp: Phần đất chia cho bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn T.

+ Phía Tây giáp: Phần đất của Huỳnh Ngọc T.

+ Phía Nam giáp: Phần đất của Lê Thị Ngọc Th và phần đất chia cho bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn T.

+ Phía Bắc giáp: Phần đất của ông Trần Văn P.

Các phần đất đều tại ấp A, xã PA, huyện C, tỉnh Tiền Giang thuộc thửa đất 243, tờ bản đồ số 9 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03**3 ngày 04-6-2007 và thửa đất 440, tờ bản đồ số 9 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H07**2 ngày 10-11-2008 của cùng Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy cấp cho hộ bà Huỳnh Thị N.

Có sơ đồ kèm theo.

**. Về án phí:*

- Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn T phải liên đới chịu 5.716.375 (Năm triệu bảy trăm mười sáu nghìn ba trăm bảy mươi lăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà L, ông T tự nguyện chịu thay phần án phí dân sự sơ thẩm của bà Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị C phải liên đới chịu là 2.626.750 (Hai triệu sáu trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm năm mươi) đồng. Tổng cộng bà L, ông T phải chịu án phí là 8.343.125 (Tám triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn một trăm hai

mươi lăm) đồng. Ông T, bà L đã nộp 10.000.000 (Mười triệu) đồng theo 02 biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 16777 và 16776 cùng ngày 11-6-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy nên được trừ vào án phí, ông T, bà L được nhận lại 1.656.875 (Một triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm bảy mươi lăm) đồng.

- Anh Nguyễn Văn H2 phải chịu 4.354.875 (Bốn triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn tám trăm bảy mươi lăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Lê Thị Ngọc Th phải chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Anh Thực